

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 6 - 2025

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Tùng.

2. Ông Bùi Quốc Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân – kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, về việc *Ly hôn*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 20/5/2025, và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST - HNGĐ ngày 06/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Duy Th, Sinh năm 1947; Địa chỉ: Thôn 2, xã Th T, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Th1 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Lê Thị Ng, sinh năm: 1949; Địa chỉ: Thôn 2, xã Th T, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa vắng mặt ông Th và bà Ng (ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt). Có mặt bà Hoàng Thị Thủy.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 19 tháng 6 năm 2024, bản tự khai ngày 25 tháng 7 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Lê Duy Th trình bày:

Ông và Bà Lê Thị Ng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau, ông và bà Ng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, tính tình không hợp, nên dẫn đến thường xảy ra va chạm, những mâu thuẫn không thể khắc phục và ngày càng căng thẳng nên ông và bà Ng đã sống ly thân nhau từ năm 1998 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay ông Th xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với bà Ng, nên ông Th đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ng.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Thị Ng1 sinh ngày 06/10/1981, cháu Lê Duy Ph sinh ngày 25/09/1984 và cháu Lê Thị Hsinh ngày 27/02/1985. Hiện 3 cháu đã trưởng thành lập gia đình nên ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tường trình ngày 15 tháng 3 năm 2025 bà Lê Thị Ng trình bày:

Trước khi kết hôn với bà, ông Th có một đời vợ, nhưng đời vợ trước của ông Th qua đời để lại 02 đứa con còn nhỏ cho bà nuôi. Năm 1980 bà gặp ông Th và sau đó ông và bà cưới nhau. Sau 12 năm chung sống giữa bà và ông có 03 người con chung là Lê Thị Ng1, sinh năm 1980; Lê Duy Ph, sinh năm 1982; Lê Thị Hsinh năm 1985. Cuộc sống vợ chồng đang êm ấm thì ông Th lại quen một người đàn bà khác và sống với nhau, mặc dù đã được anh em bạn bè khuyên giải nhưng ông Th không nghe, nên không khí trong gia đình ngày càng căng thẳng, ông Th về nhà là chửi mắng. Năm 1993 bà được nghỉ hưu, lúc này ông Th vào miền Nam để làm ăn, một mình bà nuôi 05 người con. Hiện nay các con chung và con riêng của ông Th đã có gia đình riêng. Hiện nay ông Lê Duy Th vẫn còn tính gái phản bội vợ con.

Sau khi Tòa án ra quyết định xét xử ông Lê Duy Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt ông Th vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Ng.

Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Căn cứ tình hình thực tế quan hệ hôn nhân của Ông Th và bà Ng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa ông Th và bà Ng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, Điều 85; khoản 1 điều 89; điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000; Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị HĐXX xử: Về hôn nhân: Cho ông Lê Duy Th ly hôn bà Lê Thị Ng; Về án phí đề nghị miễn án phí cho ông Lê Văn Thặng, do ông Th là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1].Về tố tụng: Ông Lê Duy Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Ng, bà Ng có hộ khẩu Thôn 2, xã Th T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Lê Duy Th và bà Lê Thị Ng đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Ng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Th, bà Ng.

[2].Về nội dung:

Về hôn nhân: Ông Lê Duy Th và bà Lê Thị Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương từ năm 1980, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nên dẫn đến thường xảy ra va chạm, ông Th có những biểu hiện không chung thủy, không chăm lo cho cuộc sống vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Năm 2015 bà Ng thường xuyên đi vào miền Nam sống với các con thi thoảng mới về quê. Vì vậy ông Th và bà Ng sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án bà Ng chỉ trình bày mâu thuẫn vợ chồng mà không đưa ra quan điểm có đồng ý ly hôn hay không. Bà Ng cho rằng ông Th có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác tuy nhiên bà Ng không đến Tòa án làm việc và không xuất trình chứng cứ về việc ông Th có quan hệ ngoài luồng. Thực tế giữa bà Ng và ông Th sống ly thân đã lâu, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin vắng mặt ông Th vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn bà Ng. Xét về việc đăng ký kết hôn của ông Th và bà Ng thì theo giấy xác nhận của UBND xã cũng như tại biên bản xác minh ngày 15/5/2025 UBND xã Th T, huyện Thiệu Hóa đều xác định ông Th và bà Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1980, nhưng qua kiểm tra sổ đăng ký hộ tịch (sổ đăng ký kết hôn) từ năm 1980 tại xã Th T không còn quản lý tại xã, các sổ đăng ký kết hôn còn lại UBND xã đã kiểm tra nhưng không có tên ông Lê Duy Th và bà Lê Thị Ng, như vậy không có căn cứ để xác định việc ông Th và bà Ng có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên theo điểm a mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 quy định “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987,

ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn. Vì vậy việc ông Th và bà Ng không đăng ký kết hôn nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông bà được xem là hôn nhân thực tế. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của ông Th và bà Ng không có hạnh phúc nên căn cứ khoản điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ông Th được ly hôn bà Ng là phù hợp.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án Ông Th, bà Ng đều thừa nhận vợ chồng có ba con chung tên các cháu Lê Thị Ng1 sinh ngày 06/10/1981, cháu Lê Duy Ph sinh ngày 25/09/1984 và cháu Lê Thị Hsinh ngày 27/02/1985. Hiện nay cả ba cháu đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Về tài sản chung: Ông Th, bà Ng không yêu cầu giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3]. Về án phí: Ông Lê Duy Th là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí, HĐXX xét thấy nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Th.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000; Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho Ông Lê Duy Th ly hôn bà Lê Thị Ng.
2. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Lê Duy Th.
3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ông Th, bà Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Th T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

